

Số: /2026/TT-BNNMT

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 25/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn về đánh giá rủi ro, cấp phép thủy sản sống nhập khẩu đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18 tháng 01 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số thông tư trong lĩnh vực thủy sản

Căn cứ Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Thủy sản và Kiểm ngư;

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 25/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn về đánh giá rủi ro, cấp phép thủy sản sống nhập khẩu đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18 tháng 01 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số thông tư trong lĩnh vực thủy sản.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung điểm a và điểm đ khoản 2 Điều 5

1. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 như sau:

“a) Tổ chức, cá nhân gửi 01 bộ hồ sơ đến Cục Thủy sản và Kiểm ngư theo hình thức trực tiếp tại Bộ phận Một cửa hoặc qua Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật;”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 2 như sau:

“đ) Cục Thủy sản và Kiểm ngư trả Giấy phép nhập khẩu thủy sản sống trực tiếp tại Bộ phận Một cửa hoặc qua Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ”.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điểm tại một số khoản của Điều 6

1. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 như sau:

“c) Bản chính Báo cáo kết quả nhập khẩu, vận chuyển, nuôi giữ thủy sản sống trong 12 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ theo Mẫu số 04 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này; bản sao hoặc scan bản gốc biên bản kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản theo Mẫu số 07 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này (áp dụng đối với trường hợp tổ chức, cá nhân có hoạt động nhập khẩu bất kỳ thủy sản sống từ lần thứ hai trở đi).”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 4 như sau:

“b) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Thủy sản và Kiểm ngư cấp Giấy phép nhập khẩu thủy sản sống kèm theo Kế hoạch kiểm soát thủy sản sống được phê duyệt (đối với trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư này) hoặc phương án xử lý sau khi kết thúc hội chợ, triển lãm được phê duyệt (đối với trường hợp quy định tại điểm c khoản 2 Điều 4 Thông tư này) theo Mẫu số 06 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;”.

Điều 3. Thay thế một số từ, cụm từ, biểu mẫu

1. Bổ sung cụm từ “hoặc thay đổi, bổ sung nhà xuất khẩu, cửa khẩu nhập” vào trước cụm từ “trên Giấy phép” tại điểm e khoản 2 Điều 5 và điểm c khoản 4 Điều 6.

2. Bổ sung cụm từ “Phiên họp hội đồng bằng hình thức trực tiếp hoặc trực tiếp kết hợp trực tuyến.” vào sau cụm từ “điều hành phiên họp.” tại điểm c khoản 1 Điều 10.

3. Thay thế cụm từ “30 ngày” bằng cụm từ “28 ngày” tại điểm d khoản 2 Điều 5; cụm từ “05 ngày” bằng cụm từ “02 ngày” tại điểm e khoản 2 Điều 5.

4. Thay thế cụm từ “Tổng cục Thủy sản” bằng cụm từ “Cục Thủy sản và Kiểm ngư” tại các điểm b, c, d và e khoản 2 Điều 5; điểm a khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 10; tên Điều 11, khoản 2 Điều 11; điểm b khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 12; khoản 5 Điều 13.

5. Thay thế cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” bằng cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” tại các khoản 1, 2 và 4 Điều 11; khoản 1 và khoản 2 Điều 14.

6. Thay thế Mẫu số 01 Phụ lục bằng mẫu số Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư này; thay thế Mẫu số 02 Phụ lục bằng mẫu số Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư này; thay thế Mẫu số 03 Phụ lục bằng mẫu số Mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư này; thay thế Mẫu số 04 Phụ lục bằng mẫu số Mẫu số 04 ban hành kèm theo Thông tư này; thay thế Mẫu số 05 Phụ lục bằng mẫu số Mẫu số 05 ban hành kèm theo Thông tư này; thay thế Mẫu số 06 Phụ lục bằng mẫu số Mẫu số 06 ban hành kèm theo Thông tư này; thay thế Mẫu số 07 Phụ lục bằng mẫu số Mẫu số 07 ban hành kèm theo Thông tư này; thay thế Mẫu số 08 Phụ lục bằng mẫu số Mẫu số 08 ban hành kèm theo Thông tư này; thay thế Mẫu số 09 Phụ lục bằng mẫu số Mẫu số 09 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2026.

Điều 5. Điều khoản chuyển tiếp

1. Tổ chức, cá nhân đã được cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ để giải quyết theo thủ tục hành chính trước ngày Thông tư này có hiệu lực mà chưa có kết quả giải quyết thủ tục hành chính thì tiếp tục được giải quyết theo quy định của pháp luật tại thời điểm tiếp nhận; trừ trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị thực hiện theo quy định của Thông tư này.

2. Văn bản, giấy phép, giấy chứng nhận là kết quả giải quyết thủ tục hành chính đã được cơ quan, người có thẩm quyền ban hành trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành và chưa hết hiệu lực hoặc chưa hết thời hạn thì tiếp tục được áp dụng, sử dụng theo thời hạn ghi trên văn bản, giấy phép, giấy chứng nhận đó cho đến khi hết thời hạn./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng; các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao; Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố;
- Sở NN&MT các tỉnh, thành phố;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính, Bộ Tư pháp;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường: Bộ trưởng, các Thứ trưởng; các đơn vị trực thuộc Bộ;
- Công báo; Cổng Thông tin điện tử Chính phủ; Cổng TTĐT Bộ NN&MT;
- Lưu: VT, TSKN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Phùng Đức Tiến